

Số: /2020/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 175/TTr-STNMT ngày 11 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2020 và thay thế Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: TNMT, Tư pháp;
- TTTHCB;
- Lưu: VT, K4, VPĐK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Định bao gồm những thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trừ những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc trách nhiệm quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán, quyết toán kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định:

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Nội dung kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

Điều 7. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 10 của Quy chế này có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình chủ trì thu thập, tiếp nhận, quản lý theo quy định.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định) trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc loại quản lý lưu trữ ở tỉnh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện việc giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường; thuộc loại quản lý lưu trữ ở cấp huyện thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

2. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định có trách nhiệm cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (theo Mẫu số 01 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ) cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn để công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng theo đúng quy định.

Chương III

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Xây dựng và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Xây dựng và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng có hiệu quả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo đúng quy định.

Các sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh nhằm thống nhất trong quản lý, khai thác và công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường.

2. Xây dựng và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong việc thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện theo đúng quy định.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện cho Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quy chế này.

Điều 11. Trách nhiệm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 12. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Điều 13. An toàn và bảo mật thông tin

Tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin theo Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 14. Chế độ bảo mật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác có liên quan đến thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập, cập nhật riêng nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy nhập thông tin trong các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục tài liệu mật về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Chương IV**KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****Điều 15. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 16. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 17. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền, phạm vi, mức độ cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường: Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại các Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 19. Phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại các Điều 21, Điều 22 và Điều 23, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 20. Quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo Điều 29, Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 03 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Quốc Dũng